

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM

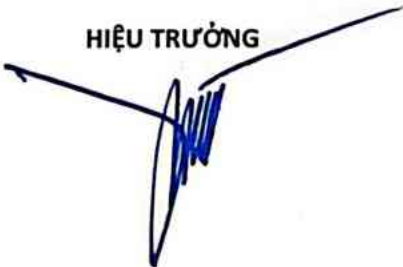
DANH SÁCH THEO DÕI SINH VIÊN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG KHÓA 23 ĐẾN KHÓA 25 NỢ HỌC PHÍ

Tính đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2026

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ học kỳ Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
1	607230028	Nguyễn Huỳnh Lan	Nhi	CL23QT1	495,000		1,980,000				1,980,000	2,475,000	
2	601240005	Dương Gia	Bảo	CL24CT1			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
3	601240011	Trần Lê Duy	Bảo	CL24CT1			990,000				990,000	990,000	
4	601240029	Hồ Ngọc	Châu	CL24CT1	2,475,000		2,475,000				2,475,000	4,950,000	
5	601240030	Nguyễn Hùng	Cường	CL24CT1			5,445,000	990,000	1,485,000		2,970,000	2,970,000	
6	601240014	Hoàng Duy	Khang	CL24CT1			990,000				990,000	990,000	
7	601240020	Hồ Quốc	Khanh	CL24CT1			990,000				990,000	990,000	
8	601240025	Phạm Tùng	Lâm	CL24CT1			2,970,000				2,970,000	2,970,000	
9	601240017	Phùng Văn	Minh	CL24CT1			990,000				990,000	990,000	
10	601240012	Trần Trung	Nghĩa	CL24CT1			990,000				990,000	990,000	
11	601240036	Tăng Minh	Nhật	CL24CT1			1,485,000				1,485,000	1,485,000	
12	601240027	Lâm Đại	Phước	CL24CT1			2,970,000				2,970,000	2,970,000	
13	601240035	Tôn Thất	Quang	CL24CT1			1,485,000				1,485,000	1,485,000	
14	601240026	Nguyễn Khánh Kim	Qui	CL24CT1			2,970,000				2,970,000	2,970,000	
15	610240006	Lý Mỹ	San	CL24DH1			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
16	608240022	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	CL24KT1			3,465,000				3,465,000	3,465,000	
17	602240024	Lý Bội	Hân	CL24TM1			1,485,000				1,485,000	1,485,000	
18	606250009	Lê Phúc	Hậu	CL25CM1			5,940,000		990,000		4,950,000	4,950,000	
19	606250032	Lê Thanh	Hiệp	CL25CM1			7,425,000	495,000	990,000		5,940,000	5,940,000	
20	606250011	Trần Đình Gia	Kiệt	CL25CM1			5,940,000		990,000		4,950,000	4,950,000	
21	606250010	Nguyễn Quốc	Mẫn	CL25CM1			5,940,000		990,000		4,950,000	4,950,000	
22	601250034	Nguyễn Bảo	Duy	CL25CT1			3,960,000				3,960,000	3,960,000	
23	601250025	Trần Gia	Huy	CL25CT1			9,900,000				9,900,000	9,900,000	
24	601250038	Trần Phương	Huy	CL25CT1			9,405,000				9,405,000	9,405,000	
25	601250029	Nguyễn Thành	Luân	CL25CT1			9,900,000	7,920,000			1,980,000	1,980,000	

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ học kỳ Trước	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
26	601250006	Võ Hoàng	Nam	CL25CT1			9,405,000				9,405,000	9,405,000	
27	601250018	Thái Hữu	Tài	CL25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
28	601250036	Trần Anh	Tuấn	CL25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
29	610250003	La Thoại	Tín	CL25DH1			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
30	602250024	Nguyễn Đình	Lộc	CL25TM1			7,425,000		990,000		6,435,000	6,435,000	
31	602250017	Lê Thành	Thọ	CL25TM1			7,425,000		990,000		6,435,000	6,435,000	
SINH VIÊN THỪA TIỀN HỌC PHÍ CHUYỂN HỌC KỲ SAU													
32	601250001	Huỳnh Thanh	Hậu	CL25CT2		2,970,000	2,970,000		2,970,000				2,970,000
33	601250033	Ngô Tuấn	Nghĩa	CL25CT2		1,485,000	4,455,000		4,455,000				1,485,000
34	601250055	Tống Thành	Đạt	CL25CT4		11,360,250	9,900,000		9,900,000				11,360,250
35	610250014	Trần Nguyễn Thanh	Xuân	CL25DH2		4,950,000	4,455,000		4,455,000				4,950,000
36	610250052	Võ Kim	Ngọc	CL25DH3		990,000	4,950,000		4,950,000				990,000
		CỘNG			2,970,000	21,755,250	176,715,000	9,405,000	34,155,000		133,155,000	136,125,000	21,755,250

HIỆU TRƯỞNG



KẾ TOÁN TRƯỞNG



LẬP BẢNG



Lê Thị Thanh Nhân